

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1039/2026/DS-PT

Ngày: 25/5/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Bích Sơn;

Ông Phạm Công Toại.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Minh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 412/2026/TLPT-DS ngày 03/3/2026, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 1370/2025/DS-ST ngày 17/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2233/2026/QĐPT-DS ngày 06/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5984/2026/QĐPT-DS ngày 23/4/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985 (có mặt)

Thường trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh).

Địa chỉ liên hệ: Số B đường B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo ủy quyền: Bà Từ Nguyễn Bảo T, sinh năm 2003 (có mặt)

Thường trú: Số C, ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ liên hệ: Số E đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 03/3/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Từ Tiến Đ, Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số E T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986 (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Thường trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh).

Cùng địa chỉ cư trú: Số E đường A, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đăng :

1/ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số H H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Hoặc/Và:

2/ Bà Phạm Nguyễn Như Q1, sinh năm 1999 (có mặt)

Thường trú: Ấp Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang).

Địa chỉ liên hệ: Số H H, phường B, quận B, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 03/3/2025).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981 (có mặt)

Thường trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh).

Địa chỉ liên hệ: Số B đường B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đăng .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người đại diện hợp pháp trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đ1 cùng với bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H là chỗ quen biết lâu năm. Ngày 10/4/2017, ông T1, bà Đ1 có vay của bà L một số tiền 1.050.000.000 đồng, với lãi suất là 1.5%/ tháng, khi nào bà L cần thì báo trước cho ông T1, bà Đ1 tối thiểu 06 tháng. Đồng thời, số nợ này được xác nhận qua Giấy vay tiền viết tay do hai vợ chồng ông T1 và bà Đăng lập và ký tên, hai bên giao dịch bằng tiền mặt không làm biên nhận.

Từ đầu năm 2019 đến cuối năm 2020, do cần thêm tiền nên ông T1, bà Đ1 có sang vay bà L thêm vài lần nữa, nâng tổng số tiền vay lên thành 1.700.000.000 đồng, lãi suất hai bên vẫn thỏa thuận là 1,5%/tháng, thanh toán vào ngày 10 tây hàng tháng. Mỗi lần vay, bà L đều yêu cầu ông T1 và bà Đ1 viết giấy, nhưng do lâu ngày bà L đã làm thất lạc. Hai bên giao dịch bằng tiền mặt không làm biên nhận.

Từ năm 2021 đến đầu năm 2022, ông T1, bà Đ1 có trả cho bà L 500.000.000 đồng tiền gốc nên hai bên có lập lại giấy vay tiền với nội dung: Ông T1, bà Đ1 vay của bà L số tiền là 1.200.000.000 đồng, khi nào bà L cần sẽ báo trước từ 03 đến 05 tháng, lãi suất thỏa thuận. Giấy vay tiền này, bà L có nộp cho Tòa án làm chứng cứ. Cụ thể các khoản thanh toán được trả theo sao kê từ ngày 31/12/2016 đến ngày 09/1/2023 tại số tài khoản: 5607205043242, Ngân hàng N1 (A), chủ tài khoản: Nguyễn Thị L như sau:

- Ngày 05/7/2021: Ông Trịnh C trả 200.000.000 đồng.
- Ngày 30/12/2021: Ông Trịnh C trả 200.000.000 đồng.
- Ngày 19/01/2022: Ông Trịnh C trả 100.000.000 đồng.

Chốt nợ còn 1.200.000.000 đồng và lập Giấy vay tiền mới như trên.

Sau đó, vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đ1 tiếp tục trả tiền mặt cho bà L số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 29/6/2023, vợ chồng ông T1 chuyển khoản trả tiền nợ gốc 100.000.000 đồng. Ngày 13/11/2023, ông T1 chuyển khoản trả thêm 50.000.000 đồng. Đó đó, ông T1 và bà Đ1 còn nợ tiền gốc là 950.000.000 đồng.

Từ tháng 7/2023 đến tháng 01/2025, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đăng C1 tiến hành trả lãi vào số tài khoản 9187787979 tại Ngân hàng TMCP K (T3) chủ tài khoản là ông Nguyễn Văn H và số tài khoản 108877854302 tại Ngân hàng TMCP C2 chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị L như sau:

- Ngày 14/7/2023: 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.
- Ngày 18/8/2023: 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng.
- Ngày 14/9/2023: 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

- Ngày 17/10/2023: 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.
- Ngày 20/11/2023: 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.
- Ngày 21/12/2023: 14.250.000 (mười bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Ngày 19/01/2024: 7.000.000 (bảy triệu) đồng.
- Ngày 27/02/2024: 7.000.000 (bảy triệu) đồng.
- Ngày 18/3/2024: 7.000.000 (bảy triệu) đồng.
- Ngày 20/4/2024: 7.000.000 (bảy triệu) đồng.
- Tháng 5/2024: 7.000.000 (bảy triệu) đồng.
- Ngày 15/6/2024: 7.000.000 (bảy triệu) đồng.
- Ngày 15/7/2024: 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.
- Ngày 20/8/2024: 10.000.000 (mười triệu) đồng.
- Ngày 28/9/2024: 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.
- Ngày 25/10/2024: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.
- Ngày 29/11/2024: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.
- Ngày 25/12/2024: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.
- Ngày 26/01/2025: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Bà **L** tự nguyện tính tiền lãi từ tháng 07/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm, tính trên số dư nợ giảm dần (nếu ông **T1**, bà **Đ1** trả tiền lãi mỗi tháng còn thiếu sẽ dùng số tiền lãi của tháng chuyển dư để trừ bù vào, nếu ông **T1**, bà **Đ1** chuyển lãi dư sau khi trừ vào tiền lãi, tiền còn dư lại nguyên đơn trừ vào tiền gốc). Do đó, tiền gốc đến tháng 01/2025 ông **T1**, bà **Đ1** còn nợ là 804.764.566 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông **Nguyễn Văn T1** và bà **Nguyễn Thị Đ1** trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực số tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 17/12/2025 tổng cộng là 875.628.556 đồng. Bao gồm: Nợ gốc là 804.764.566 đồng và lãi là 70.863.990 đồng.

- Buộc ông **T1**, bà **Đ1** tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán hết nợ.

Theo bản tự khai bị đơn ông **Nguyễn Văn T1**, bà **Nguyễn Thị Đ1** và người đại diện hợp pháp trình bày:

Ông **Nguyễn Văn T1** và bà **Nguyễn Thị Đ1** có ký giấy vay tiền và xác nhận có nợ tiền của bà **Nguyễn Thị L** nhưng thực tế bị đơn không có nhận tiền theo các giấy vay tiền đã ký và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp không xác định được số nợ cụ thể. Mỗi tháng bị đơn có trả lãi cho nguyên đơn nhưng các bên không

thỏa thuận mức lãi suất. Đối với các sao kê do nguyên đơn cung cấp, tin nhắn trao đổi giữa ông T1 và bà L không xác định được số nợ nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng hợp pháp. Ông H có biết việc bà L cho ông T1, bà Đ1 vay tiền. Nguồn gốc tiền cho vay là từ tài sản chung của vợ chồng. Trong quá trình giao dịch, ông H có dùng số tài khoản 9187787979 của Ngân hàng TMCP K để nhận tiền thanh toán nợ của ông T1 với tổng số tiền là 256.250.000 đồng. Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về số tiền nợ và quá trình ông T1, bà Đ1 thanh toán tiền gốc lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 1370/2025/DS-ST ngày 17/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

“1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đ1 phải trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn H tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/12/2025 là 875.628.556 (tám trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi sáu) đồng, trong đó:

- Tiền gốc: 804.764.566 (tám trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm sáu mươi sáu) đồng.

- Tiền lãi: 70.863.990 (bảy mươi triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, chín trăm chín mươi) đồng.

Phương thức thanh toán: Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.”

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/12/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đ1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Phía bị đơn có văn trình bày tại cấp phúc thẩm: Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, phía bị đơn chưa kịp cung cấp sao kê tài khoản ngân hàng những khoản tiền mà ông Nguyễn Văn T1 đã chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị L từ ngày 10/6/2022 đến ngày 25/9/2024 với số tiền là 498.350.000 đồng những

khoản tiền này chưa được căn trừ vào số tiền phía nguyên đơn khởi kiện. Do đó, phía bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng căn trừ toàn bộ số tiền nêu trên vào tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn, số tiền còn lại phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 377.278.556 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án; nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn không rút đơn kháng cáo.

Phía bị đơn trình bày: Bị đơn có ký Giấy vay tiền không có biện pháp bảo đảm, với số tiền vay là 1.200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay khi nào nguyên đơn cần tiền sẽ báo trước cho bị đơn từ 03 đến 05 tháng. Ngày 26/02/2026 bị đơn có nhắn tin qua ứng dụng zalo với nguyên đơn nội dung “Nay trả 20tr nữa là 785tr nhé” nhưng thực tế bị đơn không chuyển trả 20.000.000đ nên bị đơn còn nợ nguyên đơn là 805.000.000đ – đây là số tiền làm tròn lại, bản án sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu đòi số tiền gốc là 804.764.566 đồng phù hợp với quá trình trả vốn gốc và lãi. Trong quá trình vay, từ ngày 14/7/2023 đến ngày 26/01/2025, bị đơn đã trả lãi vào tài khoản của ông Nguyễn Văn H chồng bà L và của bà Nguyễn Thị Lâm T2 nhiều đợt với số tiền không giống nhau. Số điện thoại dùng trao đổi qua zalo là do ông Nguyễn Văn T1 sử dụng.

Phía nguyên đơn trình bày: Những khoản tiền phía bị đơn trình bày tại cấp phúc thẩm và phiên tòa phúc thẩm đã được phía nguyên đơn trình bày tại cấp sơ thẩm là các khoản vay riêng biệt, thanh toán tiền lãi không thuộc khoản nợ gốc mà phía nguyên đơn khởi kiện trong vụ án này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét bác đơn kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy vay tiền không đề ngày và lời trình bày của bị đơn tại biên bản phiên tòa sơ thẩm, có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đ1 có ký Giấy vay tiền không có biện pháp bảo đảm, với số tiền vay là 1.200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay khi nào nguyên

đơn cần tiền sẽ báo trước cho bị đơn từ 03 đến 05 tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận số tiền gốc còn nợ đến ngày 26/02/2026 là 805.000.000đ theo nội dung tin nhắn 2 bên trao đổi tại ứng dụng zalo, tại bản án sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu đòi số tiền gốc là 804.764.566 đồng, là ít hơn số tiền 2 bên thừa nhận có lợi cho bị đơn nên đề nghị ghi nhận. Trong quá trình vay, từ ngày 14/7/2023 đến ngày 26/01/2025, bị đơn đã trả lãi vào tài khoản của ông Nguyễn Văn H tại Ngân hàng TMCP K và của bà Nguyễn Thị L tại Ngân hàng TMCP C2 thành nhiều đợt với số tiền không giống nhau.

Căn cứ các bản sao kê ngân hàng do nguyên đơn cung cấp, vi bằng số 35/2025/VB-TPLĐX ngày 02/4/2025 ghi nhận nội dung tin nhắn trao đổi qua zalo về việc vay và trả lãi, cùng công văn phúc đáp của Cục A1 xác định số điện thoại dùng trao đổi qua zalo là do ông Nguyễn Văn T1 sử dụng, có đủ căn cứ xác định quan hệ vay tài sản giữa các bên.

Bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc đã trả đủ tiền gốc và lãi. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi theo lãi suất 10%/năm trên số dư nợ giảm dần là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn xác nhận số tiền nợ gốc mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là 804.764.566 đồng và yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng không được nguyên đơn đồng ý.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo ngày 26/12/2025 của bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đ1 làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bà Nguyễn Thị L khởi kiện bị đơn trả lại tiền nợ gốc và lãi, bà L có chồng là ông Nguyễn Văn H, số tiền bà L cho bị đơn vay là tài sản chung của vợ chồng, ông H thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà L và không có yêu cầu gì khác nên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và xác định đầy đủ những người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xem xét kháng cáo và nội dung vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Các tình tiết, sự kiện các đương sự thống nhất:

- Phía bị đơn có ký Giấy vay tiền đề ngày 10/4/2017 với nội dung vay của nguyên đơn số tiền 1.050.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, không xác định thời hạn, khi yêu cầu trả gốc phải báo trước tối thiểu là 06 tháng.

- Phía bị đơn có ký Giấy vay tiền không xác định thời gian, với nội dung vay của nguyên đơn số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, không xác định thời hạn, khi yêu cầu trả gốc phải báo trước từ 03 đến 06 tháng.

- Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Ngày 26/02/2026 ông **Nguyễn Văn T1** có nhắn tin bằng zalo tên **Trịnh Đăng xác N** “Nay trả 20tr nữa là 785tr nhé”, nhưng do ông **T1** không chuyển số tiền 20 triệu đồng nên số tiền mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là 805.000.000 (tám trăm lẻ năm triệu) đồng, số tiền này làm tròn số để tiện trao đổi nên số tiền gốc bản án sơ thẩm xác định bị đơn còn thiếu là 804.764.566 đồng là đúng thực tế.

- Nguyên đơn có gửi thông báo yêu cầu trả nợ cho bị đơn và bị đơn đã nhận thông báo yêu cầu trả nợ.

Những tình tiết, sự kiện trên các đương sự đã thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2.2] Các bên đương sự không thống nhất về việc thời gian trả và lãi suất cho vay theo các Giấy vay tiền:

Căn cứ vào Giấy vay tiền thể hiện giữa các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất; theo vi bằng số 35/2025/VB-TPLĐX ngày 02/4/2025 ghi nhận các nội dung tin nhắn trao đổi qua zalo về việc vay tiền, trả lãi giữa nguyên đơn và bị đơn và các bản sao kê ngân hàng mà phía nguyên đơn đã cung cấp cũng như công văn phúc đáp của **Cục A1** xác định số điện thoại 0977007778 thuộc sở hữu của ông **Nguyễn Văn T1** và vẫn đang hoạt động, đây là số điện thoại mà phía bị đơn dùng để trao đổi các tin nhắn qua zalo. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ vay tài sản, không thời hạn, có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định mức lãi suất cụ thể.

Tại phiên toà sơ thẩm bị đơn xác nhận có trả lãi cho nguyên đơn nhưng không nêu rõ thời gian, lãi suất và số tiền trả lãi, đồng thời cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền gốc, lãi nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án. Nguyên đơn đề nghị tính lãi với mức lãi suất 10%/năm

trên số dư nợ giảm dần (nếu ông T1, bà D1 trả tiền lãi mỗi tháng còn thiếu sẽ dùng số tiền lãi của tháng chuyển dư để trừ bù vào, nếu ông T1, bà D1 chuyển lãi dư sau khi trừ vào tiền lãi, tiền còn dư lại nguyên đơn trừ vào tiền gốc và bị đơn tự nguyện tính lãi vào ngày 30 hàng tháng) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và có lợi cho bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định lãi suất áp dụng cho các bị đơn 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật và có căn cứ. Tại trang 33 của Vi bằng số 35/2025/VB-TPLĐX ngày 02/4/2025 thể hiện tại thời điểm ngày 26/02/2025 bên nguyên đơn có yêu cầu trả tiền lãi nên thời điểm tính tiền lãi tính từ tháng 02/2025 đến ngày 17/12/2025 là 804.764.566 đồng $\times$ %/năm/12 tháng $\times$ 10 tháng 17 ngày = 70.863.990 đồng.

Ngày 03/9/2024, phía nguyên đơn đã gửi thông báo yêu cầu trả nợ cho bị đơn với thời hạn trả chậm nhất là ngày 03/12/2024 là phù hợp với quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn đã thừa nhận số tiền còn nợ nguyên đơn là 804.764.566 đồng nhưng xác định không rõ thời gian, phương thức thanh toán, đồng thời bị đơn đã được thông báo đòi nợ từ tháng 9/2024 nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc phía bị đơn thanh toán số tiền gốc là 804.764.566 đồng, số tiền lãi 70.863.990 đồng do vi phạm nghĩa vụ trả tiền và thời hạn thanh toán là có cơ sở.

Từ những lý lẽ viện dẫn đã chứng minh yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, nên không chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là đúng pháp luật, nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2025;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468; Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Nguyễn Văn T1**, bà **Nguyễn Thị Đ1**

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 1370/2025/DS-ST ngày 17/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông **Nguyễn Văn T1** và bà **Nguyễn Thị Đ1** phải trả cho bà **Nguyễn Thị L** và ông **Nguyễn Văn H** tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/12/2025 là 875.628.556 (tám trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi sáu) đồng, trong đó:

- Tiền gốc: 804.764.566 (tám trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm sáu mươi sáu) đồng.

- Tiền lãi: 70.863.990 (bảy mươi triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, chín trăm chín mươi) đồng.

Phương thức thanh toán: Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Nguyễn Văn T1** và bà **Nguyễn Thị Đ1** phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 38.268.856 (ba mươi tám triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi sáu) đồng.

Bà **Nguyễn Thị L** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà **Nguyễn Thị L** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.322.500 (hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền số 0003087 ngày 23/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí án phí dân sự phúc thẩm:

Ông **Nguyễn Văn T1** và bà **Nguyễn Thị Đ1** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng) tương ứng theo các Biên lai tương ứng thu số 0056161 và 0056155 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Nguyễn Văn T1** và bà **Nguyễn Thị Đ1** đã nộp đủ án phí

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. HCM;
- Thi hành án dân sự Tp. HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4, Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trần Cảnh